CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

Ngày 31/03/2024	16,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.2%	**8.7%**	**-6.3%**

DT thuần
Q1/24
293
tỷ VNĐ
QoQ: ▼97.0| -24.8%
YoY: ▲ 22.0| 8.3%

LN thuần
Q1/24
-2.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.64| -32.7%
YoY: ▼6.65| -164%

LN sau thuế
Q1/24
-2.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.56| -156%
YoY: ▼5.81| -179%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
0.9%
YoY: +/-▼ 0.4%

ROE (TTM)
Q1/24
-0.9%
YoY: +/-▼ 2.3%

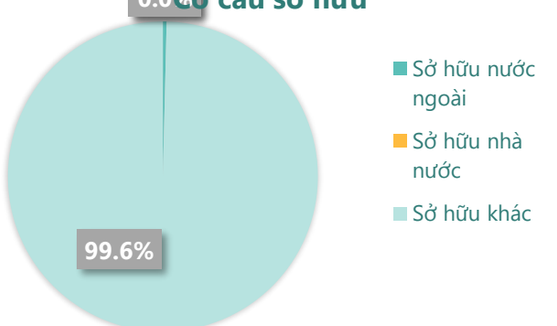
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,010 - 18,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	246
Số lượng CPLH (CP)	15,092,326
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.64
EPS	-149
P/E	-109.5

DT thuần
2023
1,237
tỷ VNĐ
YoY: ▼78.0| -5.9%

LN thuần
2023
4.20
tỷ VNĐ
YoY: ▼52.9| -92.6%

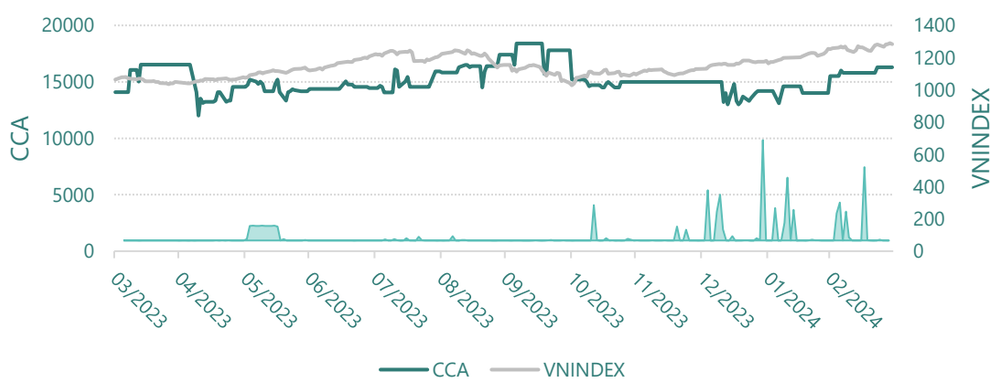
LN sau thuế
2023
3.71
tỷ VNĐ
YoY: ▼39.7| -91.5%

Cơ cấu sở hữu

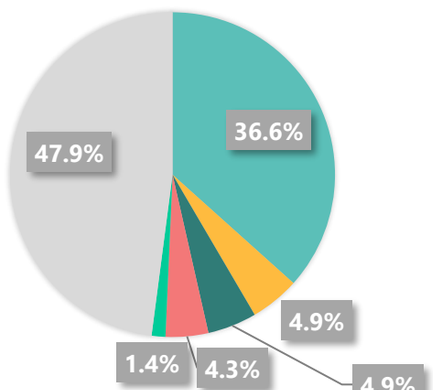


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



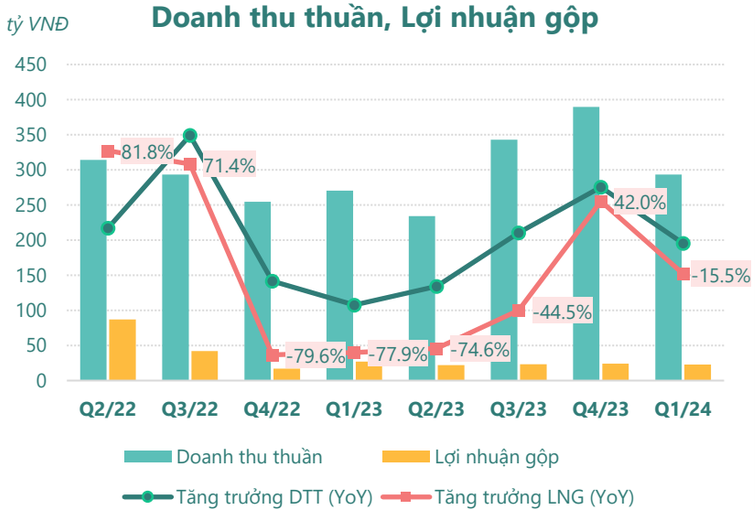
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

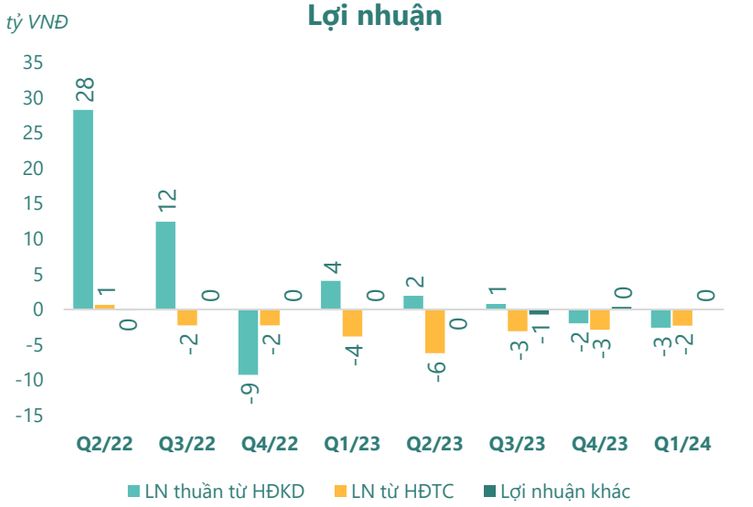
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



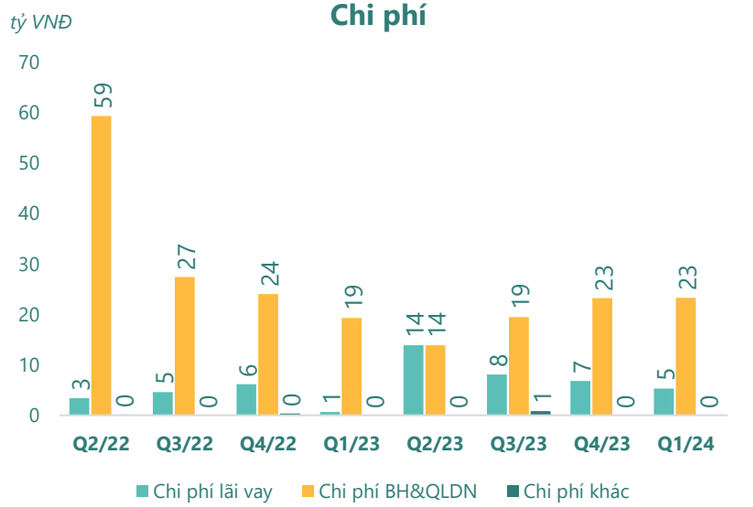
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



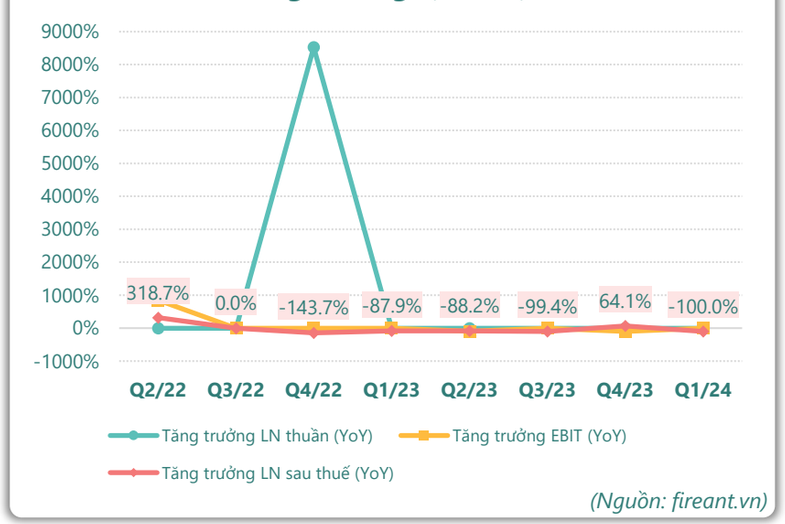
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



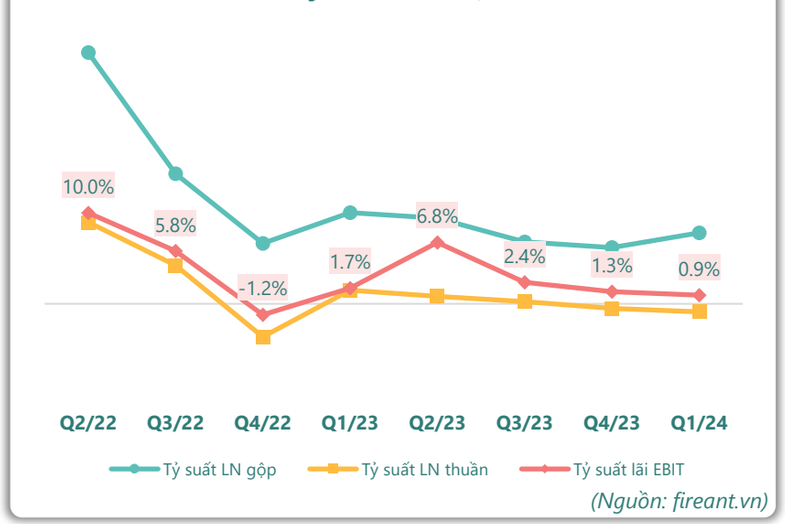
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



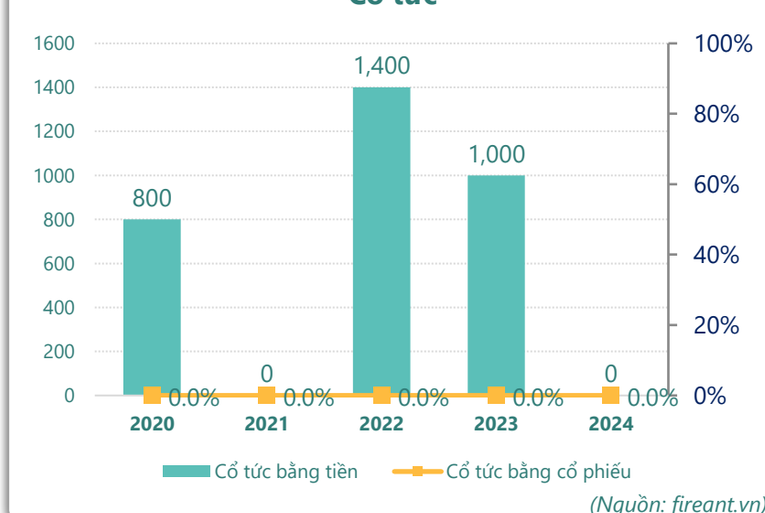
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

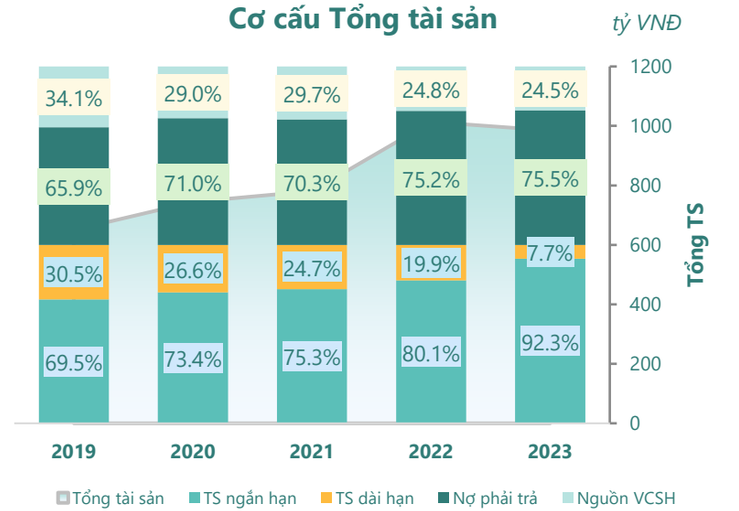
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

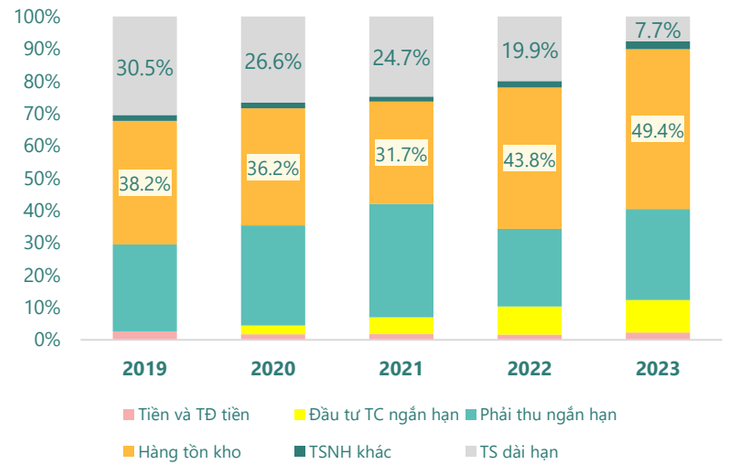
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



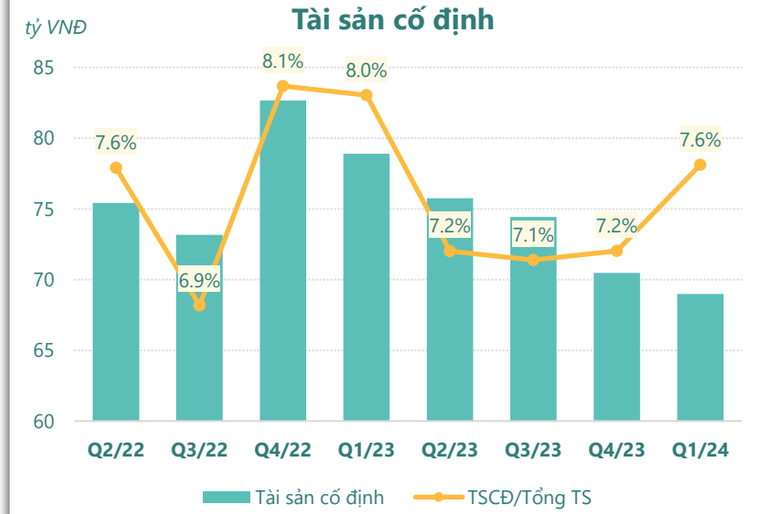
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



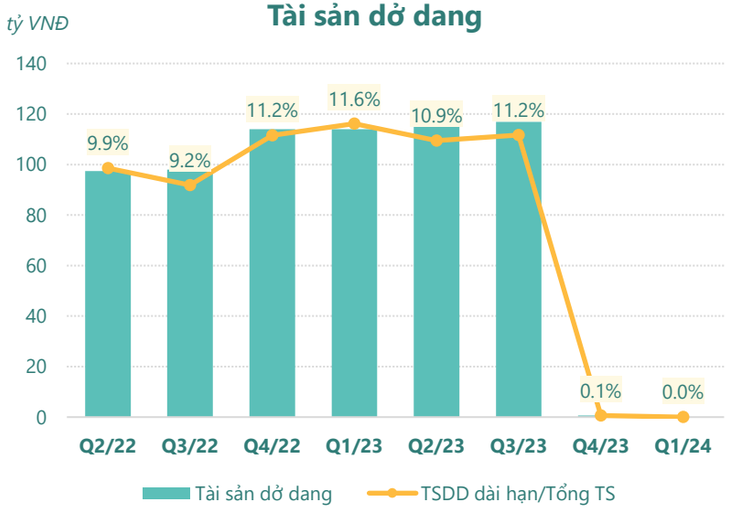
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



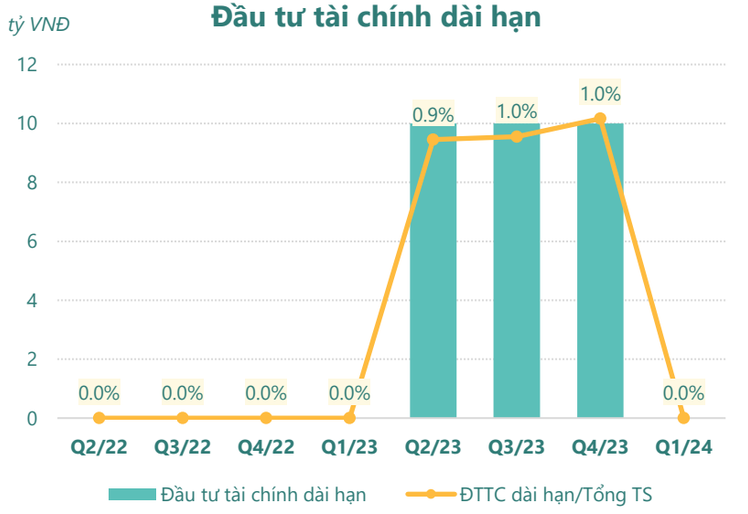
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



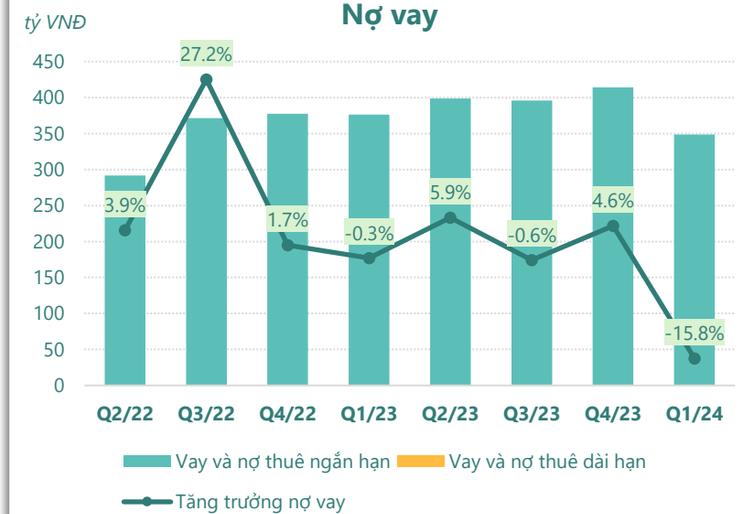
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

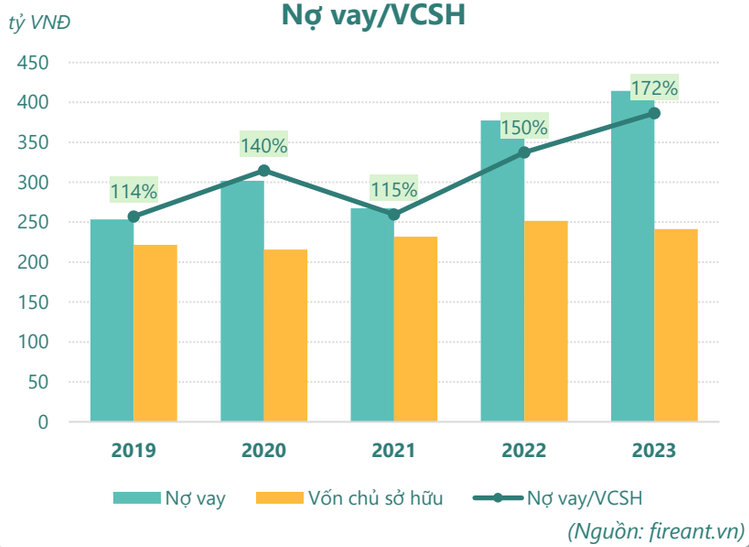
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



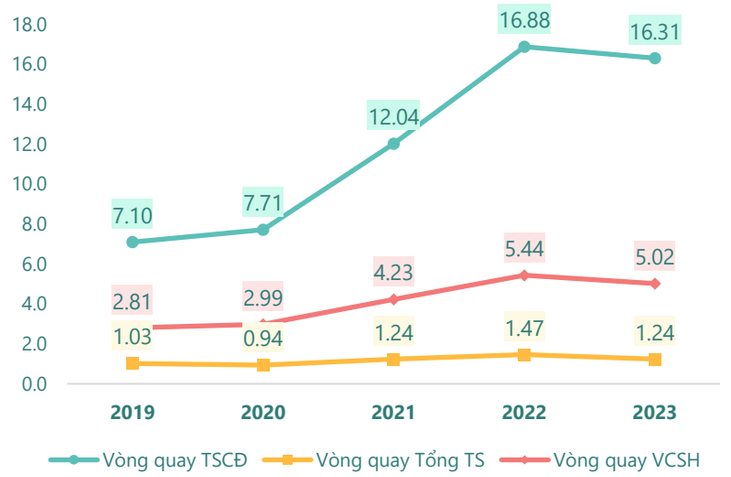
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



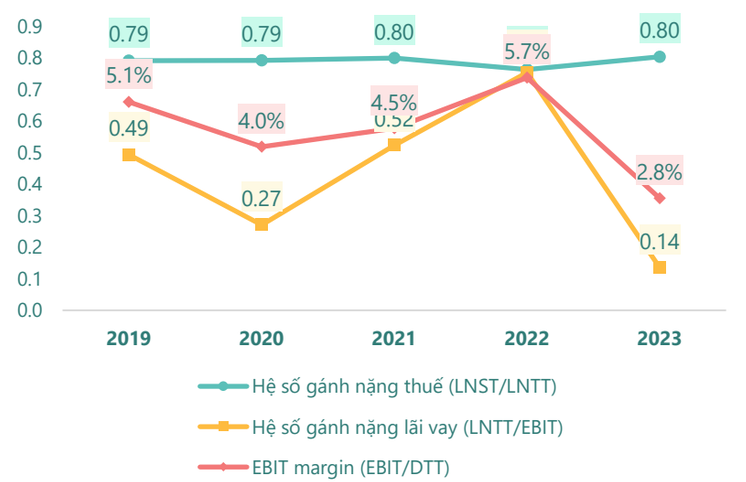
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



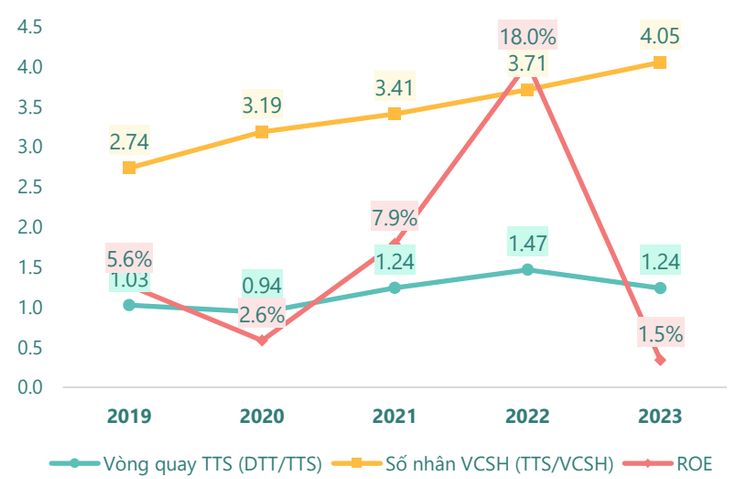
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



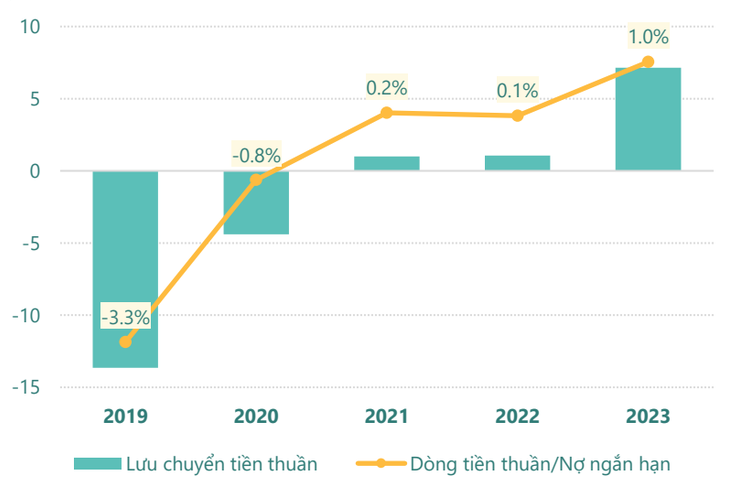
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**293**	**271**	**8.3%**	**1,237**	**1,315**	**-5.9%**
Giá vốn hàng bán	270	243	11.3%	1,141	1,046	9.1%
Lợi nhuận gộp	23.0	27.2	-15.5%	96.0	269	-64.3%
Doanh thu HĐTC	3.14	3.75	-16.1%	16.2	22.8	-28.7%
Chi phí TC	5.43	7.59	-28.5%	32.1	29.5	9.0%
Chi phí lãi vay	5.32	0.62	757%	29.6	18.6	59.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	21.9	17.1	28.3%	69.8	172	-59.5%
Chi phí QLDN	**1.37**	**2.20**	**-38.0%**	**6.12**	**33.0**	**-81.5%**
LN thuần từ HĐKD	-2.59	4.06	-164%	4.20	57.1	-92.6%
Lợi nhuận khác	**0.03**	**0.00**		**0.41**	**-0.21**	**299%**
LN trước thuế	-2.56	4.06	-163%	4.62	56.9	-91.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.56**	**3.25**	**-179%**	**3.71**	**43.4**	**-91.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.56**	**3.25**	**-179%**	**3.71**	**43.4**	**-91.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23.7	-1.07	-1.55	7.97	-25.6	65.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0	-11.2	1.03	2.39	6.84
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.14	-1.22	21.3	-1.41	14.0	-63.2
Tiền đầu kỳ	33.8	16.4	14.1	23.1	30.7	22.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-18.6**	**-2.29**	**8.60**	**7.60**	**-9.24**	**8.99**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.14	0	0.43	0.00	0.83	0
Tiền cuối kỳ	16.4	14.1	23.1	30.7	22.3	31.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**902**	**984**	**-8.4%**
Tài sản ngắn hạn	828	909	-8.9%
Tiền và tương đương tiền	31.3	22.3	40.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	98.5	98.5	0.0%
Phải thu ngắn hạn	234	277	-15.8%
Hàng tồn kho	440	486	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	25.2	24.3	3.7%
Tài sản dài hạn	**73.9**	**75.6**	**-2.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	69.0	70.5	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.63	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.88**	**4.53**	**7.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	645	743	-13.2%
Nợ ngắn hạn	**645**	**743**	**-13.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	349	414	-15.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	175	181	-3.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**257**	**241**	**6.4%**
Vốn chủ sở hữu	**257**	**241**	**6.4%**
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)